
NGHIÊN CỨU

Dẫn độ tội phạm và định hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta

Nguyễn Ngọc Chí*¹, Nguyễn Thị Ly

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 4 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 5 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 6 năm 2015

Tóm tắt: Dẫn độ tội phạm là qui chế pháp lý trong Luật quốc tế xuất hiện khá sớm khi các quốc gia có nhu cầu dẫn độ người phạm tội để xử lý theo pháp luật quốc gia mỗi nước nhằm thực hiện các mục đích chính trị hoặc mục đích bảo vệ an toàn, trật tự xã hội, trật tự pháp luật. Ngày nay, trong xu thế hội nhập quốc tế nhu cầu về dẫn độ lại càng cao, do đó bài viết này tập trung làm rõ dẫn độ tội phạm trong Luật quốc tế, trên cơ sở đó đưa ra những định hướng hoàn thiện pháp luật về dẫn độ tội phạm khi sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự.

Từ khóa: Dẫn độ tội phạm, hoàn thiện pháp luật về dẫn độ.

1. Quy chế dẫn độ tội phạm được hình thành và phát triển cùng với luật quốc tế, là một bộ phận của Luật hình sự quốc tế, nó được ra đời khi có nhu cầu trao đổi về tội phạm giữa các quốc gia thông qua một thỏa ước quốc tế. Các nghiên cứu cho rằng, thời cổ đại qui chế về dẫn độ tội phạm đã ra đời, khi người nước ngoài phạm tội chống lại công dân nước ngoài ở quốc gia sở tại, nơi người phạm tội cư trú. Trong thời kỳ này, đã xuất hiện các điều ước quốc tế giữa một số quốc gia về dẫn độ tội phạm, chẳng hạn: Năm 1296 trước công nguyên, điều ước quốc tế về dẫn độ ở vùng Ai Cập cổ đại “có nêu rõ rằng nếu như một ai đó chạy khỏi Ai Cập và tới quốc gia Khettôv, thì vua Khettôv sẽ không bắt giữ

anh ta, mà bắt anh ta quay trở lại Ai Cập. Đặc điểm của điều ước quốc tế này thể hiện ở chỗ, vấn đề không phải chỉ là các tội phạm và thời kỳ đó, chế định dẫn độ còn đề cập tới cả người nô lệ da trắng, đặc biệt là ở Hy Lạp và đế chế La Mã. Đồng thời, có các điều ước quốc tế về dẫn độ giữa một số quốc gia thành phố của Hy Lạp” [1, tr 341]. Quan điểm này cũng được Christopher L Blakesley khẳng định: “Trong thực tế, văn bản ngoại giao được biết đến sớm nhất có chứa một phần quy định về sự lộ diện của những kẻ trốn chạy. Đó là Hiệp ước về Hòa bình giữa Ramses II, Pharaon của Ai Cập, và vua Hittite Hattusili III, được ký sau khi các nước cố gắng xâm chiếm Ai cập. Văn bản này được viết bằng chữ tượng hình, được khắc trên Đền của Ammon ở Karnak và nó cũng được

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-903408336
Email: chin1957@yahoo.com

bảo quản trên những chiếc bàn bằng đất sét ở Akkodrain trong kho Hittite của Boghazkoi. Văn bản này được coi là các ví dụ sớm nhất về các thỏa thuận về dẫn độ và những biểu hiện của nó mà trong đó dẫn độ chỉ là một phần của một văn bản lớn được thiết kế dành cho một mục đích lớn. Đối với các văn bản về dẫn độ đầu tiên của thời kỳ hiện đại cũng vậy” [2].

Như vậy, qui chế về dẫn độ tội phạm ra đời khá sớm, từ thời kỳ cổ đại chứ không phải cho đến thời kỳ hiện đại như một số học giả đưa ra. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng qui chế về dẫn độ tội phạm thời kỳ cổ đại chưa có đầy đủ các nội hàm và phạm vi như ngày nay chúng ta quan niệm. Trải qua quá trình lịch sử, sự phát triển của qui chế về dẫn độ tội phạm gắn liền với sự phát triển của các quan hệ quốc tế và sự hợp tác trong đấu tranh xử lý tội phạm của các quốc gia trên thế giới. “Nhiều nhà chức trách ở Pháp và Mỹ đã viết rằng trước thế kỷ XIX, sự dẫn độ với nghĩa như thời hiện đại không tồn tại” [2, tr 44]. Nội dung của chế định dẫn độ tội phạm đã thay đổi trong quá trình phát triển của nhân loại. Những thay đổi này được gắn liền với những thay đổi của chế định di tản. Trong thời kỳ cổ đại, việc áp dụng chế định dẫn độ tội phạm gắn liền với việc tiếp nhận người tãn cư. Sự quan hệ phụ thuộc nhau giữa chế độ dẫn độ tội phạm và chế độ di tản diễn ra trong nhiều thời đại. Vào năm 1303, Anh và Pháp đã ký điều ước quốc tế về việc không dẫn độ tội phạm đối với kẻ thù và người nổi loạn đối với cả hai nước. Tới đầu thế kỷ thứ XVIII, bắt đầu có việc ký kết các điều ước quốc tế giữa các quốc gia về việc dẫn độ các tội phạm chính trị và những người thực hiện các tội phạm hình sự. Sự hợp tác tích cực giữa các quốc gia về dẫn độ tội phạm diễn ra vào thế kỷ XVIII. Trong thời gian đó các điều ước quốc tế về dẫn độ tội phạm được ký kết trước sự phát triển tiến bộ của khoa học công nghệ. Theo sự phát triển đó, một

lượng lớn dân cư từ Châu Âu đã di cư sang Châu Mỹ và các châu lục khác, một nhóm tội phạm hình sự đã lợi dụng tình hình này để bỏ chạy khỏi tổ quốc của mình nhằm thoát khỏi sự truy lùng và kết án hình sự. Trong tình hình đó, các quốc gia với mục đích bảo vệ nền pháp chế đã tìm kiếm các chế định mới mà một trong các chế định đó là dẫn độ tội phạm. Các quốc gia Châu Âu đã ký cả điều ước song phương cũng như đa phương về dẫn độ tội phạm, theo PGS. TS Nguyễn Trung Tín thì: “Một trong số các điều ước đa phương đầu tiên về dẫn độ là điều ước Amenski năm 1802 với sự tham gia của Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. Sau đó một loạt các điều ước quốc tế được ký kết ở Châu Mỹ, Châu Âu và các Châu lục khác. Việc mở rộng sự hợp tác của các quốc gia về vấn đề dẫn độ tội phạm được hậu thuẫn bởi sự ra đời và củng cố các nguyên tắc của chế định dẫn độ tội phạm. Các nguyên tắc “có đi có lại”, “chuyên môn” và các nguyên tắc khác” [1, tr 342]. Trong thời gian ấy, pháp luật về dẫn độ tội phạm có hai mục đích: Một là công cụ hợp tác của các quốc gia để ngăn chặn tội phạm, hai là công cụ để bảo vệ chính người bị dẫn độ. Vì vậy, ngay vào các năm 40 của thế kỷ XIX các nước Châu Âu đã thông qua một nguyên tắc là chỉ dẫn độ các tội phạm hình sự, chứ không dẫn độ tội phạm chính trị hay những người đào ngũ. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, vào năm 1924, “Ủy ban các chuyên viên về pháp điển hóa tiến bộ về luật pháp quốc tế” của Hội quốc liên đã dự thảo và kiến nghị ký kết các công ước phổ cập điều chỉnh vấn đề hợp tác quốc tế về dẫn độ tội phạm. Tuy nhiên, dự thảo này chưa được ký kết thì Hội quốc liên đã ngừng hoạt động do chiến tranh.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Tòa án Nuremberg và tòa án Tokyo xét xử phát - xít đã đề cập đến việc dẫn độ tội phạm, do đó năm 1946 Đại hội đồng liên hợp quốc đã thông qua

Nghị quyết áp dụng các biện pháp truy tìm, bắt giữ và dẫn độ các tội phạm chiến tranh về quốc gia nơi thực hiện tội phạm để xét xử theo pháp luật quốc gia sở tại. Năm 1947, Đại hội đồng liên hợp quốc tiếp tục thông qua Nghị quyết về nghĩa vụ của các quốc gia trong việc dẫn độ và chuyển giao tội phạm chiến tranh cho tòa án xét xử. Trong quá trình phát triển, hàng loạt các công ước quốc tế về chống tội phạm có tính chất xuyên quốc gia ra đời, trong đó phần quan trọng là các qui định về dẫn độ tội phạm, như: Công ước về khủng bố, trẻ em, buôn bán ma túy, buôn bán người... Bên cạnh đó, năm 1990 Đại hội đồng liên hợp quốc còn thông qua điều ước mẫu về dẫn độ tội phạm làm cơ sở để các quốc gia tham gia, ký kết các điều ước quốc tế về đấu tranh chống tội phạm nói chung và dẫn độ tội phạm nói riêng. Trên cơ sở, những điều ước quốc tế đa phương mang tính toàn cầu, các khu vực cũng đã ký kết các điều ước khu vực, mà tiêu biểu là Công ước quốc tế về dẫn độ tội phạm Châu Âu năm 1975, Công ước ...

Như vậy, cùng với sự phát triển quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, qui chế dẫn độ ngày càng được hoàn thiện, phát triển bảo đảm cho việc dẫn độ tội phạm có hiệu quả, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên phạm vi toàn cầu cũng như ở từng quốc gia, khu vực. Sự phát triển, hoàn thiện này, thể hiện ở sự gia tăng các điều ước quốc tế về dẫn độ, trong đó đã cụ thể hóa nhóm người thuộc diện dẫn độ tội phạm, các phạm trù và các căn cứ dẫn độ cũng được xác định cụ thể hơn. Một nguyên tắc về dẫn độ tội phạm được hình thành và ngày càng được thừa nhận rộng rãi là nguyên tắc mà theo đó những người thực hiện các hành vi vi động cơ chính trị và vì thế phải rời khỏi tổ quốc của mình thì không thuộc diện bị dẫn độ.

2. Trong khoa học pháp lý, có nhiều khái niệm về dẫn độ tội phạm được đưa ra căn cứ vào phạm vi và cách tiếp cận khác nhau,

GS.TSKH Lê Văn Cẩm đưa ra khái niệm dẫn độ tội phạm khá cởi mở, hàm chứa nhiều nội dung: “Dẫn độ người phạm tội là một chế định của luật hình sự nhằm tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm quốc tế và các tội phạm xuyên quốc gia, được thể hiện trong việc: một quốc gia này (nước được yêu cầu) căn cứ vào các quy định của Hiệp ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự đã được ký kết (hoặc các quy phạm pháp luật quốc tế trong trường hợp Hiệp định tương ứng chưa được ký kết) chuyển giao người phạm tội đang ở trên lãnh thổ của nó theo đề nghị của quốc gia kia (nước yêu cầu) mà trên lãnh thổ có việc thực hiện tội phạm hoặc có người phạm tội là công dân của mình (nước yêu cầu) để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt với người ấy” [3, tr 230].

Tuy nhiên, những định nghĩa về dẫn độ trong các điều ước quốc tế và do các học giả nước ngoài đưa ra thì ngắn gọn, đi vào bản chất hơn. Theo Interpol thì dẫn độ là một quá trình, theo đó một nước (nước được yêu cầu) chuyển giao cá nhân có mặt trên lãnh thổ của mình cho nước khác (nước yêu cầu) khi nước này muốn xét xử hoặc thi hành bản án đã được tuyên đối với anh ta [4]. Hoặc Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Argentina ngày 26 tháng 9 năm 1896 nêu: “dẫn độ là việc một bên ký kết chuyển giao cho bên ký kết kia người bị buộc tội hoặc người phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ của mình, nếu người đó đã bị buộc tội hoặc đã thực hiện các tội phạm được quy định trong Hiệp định dẫn độ giữa hai nước”. Theo Marjorie Whiteman, một chuyên gia về luật hình sự quốc tế của Mỹ thì: dẫn độ là “quá trình mà theo đó người mà bị kết tội hoặc bị kết án tù về hành vi phạm tội trái với pháp luật của một quốc gia và được tìm thấy ở một quốc gia khác sẽ được đưa trở về quốc gia ban đầu để xét xử hoặc tuyên án” [2, tr 40]. Cũng theo xu hướng này, Giáo

trình Công pháp quốc tế của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đã định nghĩa “Dẫn độ tội phạm là hành vi chuyển giao thể nhân đang hiện diện trên lãnh thổ nước mình cho quốc gia yêu cầu nhằm mục đích tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành phán quyết hình sự đã có hiệu lực pháp luật đối với thể nhân này” [5, tr 324] và theo quan điểm của PGS.TS Nguyễn Trung Tín “Dẫn độ trong luật hình sự quốc tế được hiểu là việc một quốc gia chuyển trao người bị cáo buộc phạm tội hoặc người bị kết án (quốc gia nơi những người đó có mặt) cho một quốc gia khác (thường là quốc gia nơi tội phạm gây ra hoặc là quốc gia đã kết án người đó” [1, tr 335] Chúng tôi chia sẻ các cách tiếp cận này và đưa ra định nghĩa sau: **“dẫn độ là một quá trình, theo đó, một nước (nước được yêu cầu) chuyển giao người người phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ của mình cho nước khác (nước yêu cầu) để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó theo các nguyên tắc, thủ tục được qui định trong điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia”**.

3. Khái niệm nêu trên đã phản ánh đầy đủ bản chất của dẫn độ với các nội hàm sau:

Thứ nhất, mục đích dẫn độ: Khái niệm nêu trên đã chỉ ra mục đích của dẫn độ là truy cứu trách nhiệm hình sự và thi hành hình phạt đối với tội phạm. Hai mục đích này quyết định các nguyên tắc, thủ tục, trình tự dẫn độ trong các điều ước quốc tế và cũng còn để phân biệt dẫn độ với các khái niệm liên quan, liền kề trong luật quốc tế, như: chuyển giao tội phạm, chuyển giao vật chứng, tài liệu hồ sơ vụ án. Cũng cần lưu ý là gần đây, vào những năm 60 của thế kỷ 20 xuất hiện và phát triển ngày càng nhiều qui định chủ thể tội phạm là pháp nhân trong luật hình sự quốc gia. Tuy nhiên, qui chế dẫn độ tội phạm trong luật quốc tế, cho đến hiện nay chỉ thừa nhận dẫn độ đối với thể nhân (cá

nhân) người phạm tội, không dẫn độ đối với pháp nhân.

Đối với trường hợp dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự, theo thông lệ quốc tế, ngoài việc đảm bảo các nguyên tắc chung của dẫn độ tội phạm cần đảm bảo nguyên tắc hành vi phạm tội phải có thể bị áp dụng hình phạt tù trong một thời gian nhất định. Cơ sở của nguyên tắc này xuất phát từ việc quy định những hành vi ít nguy hiểm cho xã hội hoặc nguy hiểm không đáng kể trong pháp luật hình sự quốc gia thường có mức xử phạt nhẹ hơn so với các hành vi khác, do đó, không nhất thiết phải áp dụng biện pháp dẫn độ mà có thể áp dụng các biện pháp khác đơn giản hơn. Quy định về mức áp dụng hình phạt tù làm cơ sở cho dẫn độ tội phạm thường được thể hiện trong các điều ước quốc tế giữa quốc gia đã ký kết với mục đích tạo ra ranh giới rõ ràng trong việc xác định những hành vi phạm tội nào có thể dẫn độ. Về vấn đề này, Công ước Châu Âu năm 1957 về dẫn độ tội phạm qui định những “hình phạt hình sự này phải bao gồm, ít nhất là trong các trường hợp lừa đảo nghiêm trọng, các hình phạt liên quan đến việc tước tự do, có thể làm phát sinh việc dẫn độ. Việc dẫn độ được tiến hành đối với những người thực hiện các hành vi có thể bị kết án tù tối thiểu là 1 năm (Điều 2)”. Hiện nay, trong các điều ước quốc tế về dẫn độ tội phạm giữa các quốc gia, quy định này vẫn được tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, ngày 27/9/1996 các nước Châu Âu đã ký kết một hiệp ước mới về dẫn độ, trong đó quy định việc dẫn độ có thể được thực hiện với hành vi mà theo pháp luật của nước yêu cầu thì nó có thể bị trừng phạt bằng hình phạt tù hoặc bằng hình phạt khác liên quan đến việc tước quyền tự do ít nhất 12 tháng, còn theo pháp luật của nước được yêu cầu thì hành vi đó có thể bị trừng phạt bằng hình phạt tù hoặc bằng hình phạt khác liên quan đến việc tước quyền tự do ít nhất 6 tháng nhằm

hạn chế hiện tượng từ chối dẫn độ từ nước được yêu cầu (mặc dù các nước thành viên Châu Âu chưa phê chuẩn hết công ước này).

Đối với trường hợp dẫn độ để thi hành hình phạt, người bị yêu cầu dẫn độ phải bị tòa án của nước yêu cầu dẫn độ tuyên một bản án có hiệu lực pháp luật mà thời hạn thi hành bản án đó trong một thời hạn nhất định. Bản án này cũng phải đồng thời có hiệu lực theo pháp luật của nước được yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, vấn đề thời hạn thi hành bản án trong các điều ước quốc tế của các nước là không giống nhau, công ước Châu Âu năm 1957 quy định thời hạn thi hành bản án theo pháp luật của quốc gia yêu cầu đối với người dẫn độ là ít nhất 4 tháng tù. Một số hiệp định về tương trợ tư pháp mà Việt Nam ký kết với các nước khác như Liên Bang Nga, Belarut, Mông cổ quy định thời hạn này ít nhất 6 tháng tù. Ngoài việc quy định mức tối thiểu của hình phạt tù trong bản án đối với người bị dẫn độ, các điều ước về dẫn độ tội phạm giữa các quốc gia còn quy định mức tối thiểu của việc thi hành phần thời hạn còn lại của bản án. Bởi trong nhiều trường hợp phần thời hạn còn lại của bản án không đáng kể thì không cần thiết phải tiến hành dẫn độ người tội phạm.

Thứ hai, cơ sở dẫn độ tội phạm

Trong các nghiên cứu gần đây đều cho rằng, cơ sở để thực hiện dẫn độ là điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia.

- *Điều ước quốc tế*: Trong khoa học pháp lý có những quan điểm khác nhau về cơ sở dẫn độ và sự hình thành nghĩa vụ các quốc gia trong dẫn độ. Quan điểm cho rằng dẫn độ được tiến hành trên cơ sở luật pháp quốc tế và các quốc gia có nghĩa vụ thực hiện dẫn độ trong quan hệ quốc tế. Ngược lại, quan điểm hẹp lại cho rằng dẫn độ và nghĩa vụ quốc gia chỉ xuất hiện khi có điều ước quốc tế giữa các bên hữu quan. Tuy nhiên, khi lý giải về cơ sở dẫn độ tội phạm cần phải căn cứ vào nguyên tắc được thừa nhận

chung của luật quốc tế, đó là nguyên tắc các quốc gia tôn trọng chủ quyền của nhau không phụ thuộc vào việc các hành vi của quốc gia có được ghi nhận trong các vi phạm cụ thể của luật quốc tế hay không. Sự tôn trọng chủ quyền quốc gia bao gồm sự thừa nhận và tôn trọng nền độc lập chính trị của quốc gia, quyền lực tối cao đối với lãnh thổ và toàn vẹn lãnh thổ, sự bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Do vậy, dẫn độ tội phạm là quyền chủ quyền của mỗi quốc gia. Trong khuôn khổ các điều ước quốc tế, các quốc gia có điều kiện tốt hơn trong việc điều chỉnh một cách cụ thể, chi tiết các quyền và nghĩa vụ của mình và do vậy, cơ sở của dẫn độ tội phạm là các điều ước quốc tế có hiệu lực pháp lý đối với các quốc gia ký kết xuất phát từ các nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế.

Như vậy, cơ sở đầu tiên để có thể dẫn độ tội phạm là phải có điều ước quốc tế qui định nghĩa vụ dẫn độ tội phạm giữa các quốc gia hữu quan. Các Điều ước quốc tế là cơ sở pháp lý để các quốc gia tiến hành dẫn độ một cách nhanh chóng và có hiệu quả. Nếu không có điều ước quốc tế thì các quốc gia vẫn có thể tiến hành dẫn độ trên cơ sở áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc có đi, có lại không phải bao giờ cũng được thực hiện một cách dễ dàng, đặc biệt đối với các nước ở các hệ thống pháp luật khác nhau. Chẳng hạn, các nước theo hệ thống pháp luật Civil – law thì chấp nhận nguyên tắc có đi có lại, các nước theo hệ thống pháp luật Common – law thì chỉ chấp nhận dẫn độ khi nước yêu cầu và nước được yêu cầu đã ký kết Hiệp định dẫn độ. Đây là lý do giải thích tại sao Hoa Kỳ đã ký kết Hiệp định dẫn độ với rất nhiều nước ngay từ thế kỷ 19¹. Điều đáng chú ý là vào năm 1990, Liên

¹ Chẳng hạn như: Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Argentina năm 1896; Công ước dẫn độ giữa Hoa Kỳ, Áo

Hợp Quốc đã xây dựng Hiệp định mẫu về dẫn độ, chứa đựng các quy định khung để các quốc gia có thể tham chiếu khi đàm phán và ký kết các Hiệp định song phương về dẫn độ. Các Công ước đa phương về dẫn độ hiện đại đã được ký kết từ những năm sáu mươi của thế kỷ XX, chẳng hạn như Công ước châu Âu về dẫn độ năm 1957, Công ước của các nước châu Mỹ về dẫn độ năm 1981, Công ước về dẫn độ của các nước thuộc liên đoàn Ả Rập, Công ước về dẫn độ của Cộng đồng kinh tế các nước Tây Phi... Ngoài ra, còn có các Công ước không phải là Công ước về dẫn độ nhưng có chứa các quy định liên quan đến vấn đề dẫn độ, chẳng hạn như: ba Công ước của Liên Hợp Quốc về kiểm soát ma túy năm 1961, 1971 và 1982, Công ước đa phương về các tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay năm 1963; Công ước La Hay về trấn áp hành vi chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970; Công ước đa phương trấn áp hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hàng không dân dụng năm 1971; Công ước về phòng ngừa và trấn áp các tội chống loài người được hưởng sự bảo hộ quốc tế, kể cả viên chức ngoại giao năm 1973; Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố bằng bom năm 1997; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố năm 1999...

- *Pháp luật quốc gia*: Cơ sở thứ hai của dẫn độ là pháp luật của các quốc gia xuất phát từ việc quốc gia có các đạo luật riêng biệt xác định rõ các tội phạm thuộc diện dẫn độ quốc tế, hoặc là thống kê các loại tội phạm mà việc dẫn độ quốc tế không được đảm bảo. Thông thường

và Hungary năm 1856; Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Baden năm 1857; Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Bavaria năm 1853; Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Bỉ năm 1882; Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Brazil năm 1897; Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Mexico năm 1861, Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Thái Lan...

các đạo luật quốc gia như vậy được thông qua trong khi chưa có các điều ước quốc tế về dẫn độ quốc tế. Trong trường hợp các đạo luật đó đã có, và quốc gia hữu quan mới ký điều ước quốc tế về dẫn độ quốc tế thì khi ký kết, quốc gia có đạo luật trên thường đưa ra quan điểm của mình trên cơ sở các đạo luật đó. Tuy nhiên, khi điều ước quốc tế đã được ký kết thì quốc gia đó phải thực hiện các quy định của điều ước quốc tế nếu như có sự khác nhau giữa điều ước quốc tế và các đạo luật quốc gia thì phải ưu tiên áp dụng qui định của điều ước quốc tế mà quốc gia đó tham gia. Khi đề cập tới cơ sở pháp luật quốc gia của dẫn độ, một điểm đáng lưu ý là pháp luật quốc gia khi qui định điều kiện dẫn độ phải phù hợp với luật quốc tế về dẫn độ quốc tế, càng không được lấy các qui định của luật quốc gia làm cơ sở để từ chối dẫn độ nếu điều ước quốc tế không ghi nhận như vậy.

Trong trường hợp thiếu vắng các điều ước quốc tế về dẫn độ quốc tế, mỗi một quốc gia có quyền dẫn độ tội phạm hoặc từ chối dẫn độ tội phạm theo quan điểm và qui định của pháp luật quốc gia trên nguyên tắc có đi có lại giữa các quốc gia hữu quan. Nhìn chung, các quy định pháp luật quốc gia về dẫn độ đều tồn tại dưới hình thức các quy định về thủ tục dẫn độ, điều kiện và các nguyên tắc dẫn độ. Về mặt hình thức, các quy định pháp luật quốc gia về dẫn độ có thể được chứa đựng trong một đạo luật riêng về dẫn độ, hoặc có thể được quy định chung trong pháp luật tố tụng hình sự. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã có một đạo luật riêng về dẫn độ, chẳng hạn như: Nhật Bản (Luật dẫn độ năm 1953, được bổ sung bằng Luật số 163 năm 1954, Luật số 86 năm 1964, Luật số 70 năm 1978); Trung Quốc (Luật dẫn độ năm 2000); Malaysia (Luật dẫn độ năm 1992); Angieri (Luật dẫn độ năm 1991),...

Những phân tích trên đây có thể đưa ra một số kết luận: (1) Cơ sở dẫn độ tội phạm là các

điều ước quốc tế, các đạo luật quốc gia về dẫn độ quốc tế trên cơ sở nguyên tắc qua lại và các nền tảng đạo đức của nhân loại; (2) Nghĩa vụ bắt buộc dẫn độ tội phạm chỉ đặt ra khi điều đó được ghi nhận trong các điều ước quốc tế giữa các quốc gia hữu quan. Tuy nhiên, cơ sở điều ước như vậy không được áp dụng đối với những tội phạm chống lại loài người - các tội phạm đó phải bị dẫn độ vô điều kiện trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và các điều ước quốc tế khác; (3) Các đạo luật quốc gia là cơ sở để các quốc gia ký kết các điều ước quốc tế về dẫn độ tội phạm. Ngoài ra, nó có vai trò trong việc điều chỉnh cụ thể dẫn độ tội phạm khi điều ước quốc tế không có quy định rõ.

Thứ ba, các nguyên tắc dẫn độ

- Nguyên tắc không dẫn độ công dân của mình

Đây là nguyên tắc quan trọng đầu tiên của dẫn độ được nhiều nước (đặc biệt là các nước theo truyền thống pháp luật Civil – law) thừa nhận trong hoạt động dẫn độ. Tính hợp lý của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ: (1) Nó khẳng định nguyên tắc chủ quyền quốc gia trong quan hệ quốc tế được thừa nhận trong pháp luật quốc tế hiện đại; (2) Thuận lợi nhất định về mặt tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án, việc truy tố, xét xử và thi hành án sẽ được thực hiện tốt ở quốc gia mà người phạm tội là công dân. Ở đó sẽ dễ dàng cho việc thu thập chứng cứ và các thông tin về cá nhân người phạm tội. Điểm a, Điều 4 – Hiệp định dẫn độ mẫu của Liên Hiệp Quốc quy định: “*việc dẫn độ có thể bị từ chối: a) Nếu người bị yêu cầu dẫn độ là người người của nước được yêu cầu. Khi việc dẫn độ bị từ chối thì nước được yêu cầu sẽ phải trình vụ việc lên các nhà chức trách có thẩm quyền nhằm đưa ra biện pháp xử lý thích hợp theo đúng với tội phạm mà nước yêu cầu đưa ra*”. Tương tự như vậy, Điều 6 (1) – Công ước Châu Âu về

dẫn độ năm 1957 quy định rằng, mỗi bên có quyền từ chối dẫn độ công dân của mình; Điều 6 (2) - Công ước Châu Âu về dẫn độ quy định rằng, nếu bên được yêu cầu dẫn độ không dẫn độ công dân của mình thì theo đề nghị của bên yêu cầu, bên được yêu cầu phải giao người phạm tội cho các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện những thủ tục mà họ cho là phù hợp.

Tuy nhiên, nguyên tắc không dẫn độ công dân của mình không phải lúc nào cũng được áp dụng, Hiệp định giữa Pháp và Savoy được ký vào năm 1376 đã quy định cho các bên phải giao nộp ngay cả công dân của mình; Các quốc gia nói tiếng Anh chấp nhận việc dẫn độ công dân của mình đến các nước đã cam kết tương trợ; hoặc ở Ý, tuy thiết lập nguyên tắc không dẫn độ công dân của mình nhưng vẫn có ngoại lệ trong trường hợp công ước quốc tế có quy định khác (Điều 3 – Bộ luật hình sự Ý).

Không dẫn độ công dân của mình, nhưng phải bảo đảm người phạm tội phải bị xử lý nên khi nước được yêu cầu, không dẫn độ công dân của mình thì nước này phải quy định các biện pháp cụ thể để xử lý người phạm tội. Đối với người bị yêu cầu dẫn độ là người chưa bị xét xử thì nước được yêu cầu có thể áp dụng nguyên tắc được thừa nhận chung trong luật pháp quốc tế: *aut tradere, aut judicare* (còn được gọi là nguyên tắc Grotius).

- Nguyên tắc tội phạm kép

Nguyên tắc “tội phạm kép” trong dẫn độ được cộng đồng quốc tế thừa nhận với nội dung: Việc dẫn độ chỉ có thể được tiến hành đối với người có hành vi được coi là tội phạm và có thể bị trừng phạt theo pháp luật của cả bên được yêu cầu và bên yêu cầu. Với nội hàm này, khái niệm “tội phạm kép” đã khá rõ ràng, tuy nhiên nó cũng dễ bị nhầm với định nghĩa thuần túy về hình sự dùng để chỉ một tội phạm được cấu tạo bởi từ hai hành vi nguy hiểm cho xã hội, mà nếu tách ra thì mỗi hành vi đó cấu thành một tội

phạm riêng biệt. Khắc phục tình trạng này, có tác giả đã đưa ra khái niệm thay thế “nguyên tắc cùng hình sự hóa”: “Hiểu một cách khái quát, nguyên tắc cùng hình sự hóa đòi hỏi hành vi làm phát sinh yêu cầu hợp tác quốc tế phải bị coi là tội phạm theo pháp luật của cả nước bị yêu cầu và nước được yêu cầu. Nguyên tắc cùng hình sự hóa trong hợp tác về hình sự, đặc biệt liên quan đến vấn đề dẫn độ, được áp dụng một cách phổ biến” [6, tr 74]. Chúng tôi chia sẻ với cách dùng thuật ngữ thay thế này do nó phù hợp với các thuật ngữ “dual criminality” ; “double criminality” trong tiếng Anh ở các điều ước quốc tế.

Nguyên tắc này đã được thừa nhận trong luật quốc tế về dẫn độ do: nước yêu cầu, không thể yêu cầu dẫn độ đối với người đã thực hiện hành vi không bị coi là tội phạm theo pháp luật nước được yêu cầu. Đồng thời, nó cũng không hợp pháp, nếu nước được yêu cầu lại truy tố một người mà hành vi của anh ta không bị coi là tội phạm theo pháp luật của nước mình. Thực tế, việc áp dụng nguyên tắc này sẽ gặp khó khăn khi có sự khác nhau trong việc định nghĩa hành vi phạm tội trong pháp luật mỗi nước, nếu các cấu thành tội phạm có một (hoặc một số) điểm chung thì coi như nguyên tắc tội phạm kép đã được đáp ứng, chẳng hạn: Theo Điều b, khoản 3, Điều 2 - Hiệp định dẫn độ Việt Nam – Hàn Quốc thì các yếu tố cấu thành tội phạm theo pháp luật của các Bên không nhất thiết phải giống nhau. Vấn đề sẽ phức tạp, như GS.TS Nguyễn Xuân Yêm đã đề cập, một số tội phạm chỉ có thể xảy ra ở một (một số) nước nhất định do đặc điểm riêng về kinh tế xã hội hay vị trí địa lý của nước đó. Ví dụ, Mông Cổ là một nước không có biển, do đó, Bộ luật hình sự Mông Cổ không quy định tội “*cướp biển*” nên một quốc gia yêu cầu Mông cổ dẫn độ tội phạm “*cướp biển*” sẽ rất khó khăn nếu không có sự giải quyết linh hoạt, có thiện chí giữa các quốc gia hữu quan.

Nguyên tắc tội phạm kép không chỉ yêu cầu hành vi phải được coi là tội phạm theo pháp luật của cả nước yêu cầu và nước được yêu cầu, mà người thực hiện hành vi đó cũng phải bị trừng phạt và sẽ bị trừng phạt theo pháp luật của cả hai nước. Hệ quả tất yếu của nguyên tắc này là các nước có quyền từ chối dẫn độ nếu người thực hiện hành vi phạm tội đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự và có bản án có hiệu lực, hoặc đang trong quá trình tố tụng hình sự đối với cùng một hành vi phạm tội.

- Nguyên tắc không dẫn độ đối với tội phạm chính trị

Một nguyên tắc được thừa nhận chung trong luật pháp quốc tế là, người thực hiện tội phạm chính trị không thể bị dẫn độ. Nguyên tắc này xuất phát từ quan niệm cho rằng, người phạm tội chính trị do “*động cơ cao quý*” nên không thể bị đối xử như những người phạm tội thông thường khác, vì vậy, họ không thể bị dẫn độ. Từ đó, “*không dẫn độ đối với người thực hiện tội phạm chính trị*” đã trở thành một nguyên tắc của pháp luật dẫn độ quốc tế, như là một tập quán pháp. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi ở chỗ hiểu và định nghĩa về tội phạm chính trị ở mỗi quốc gia khác nhau. Một phán quyết trước đây của tòa án Pháp đã cho rằng, tội phạm chính trị là những hành vi được thực hiện để chống lại hoạt động chính trị, được chỉ ra trong Hiến pháp của quốc gia có chủ quyền, xâm phạm đến trật tự xã hội được thiết lập bởi các văn bản chủ đạo của nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền. Sự khác biệt này, đã hình thành nguyên tắc không dẫn độ tội phạm chính trị và pháp luật quốc tế qui định, việc đánh giá xem hành vi phạm tội có mang tính chính trị hay không là vấn đề thuộc chủ quyền của nước được yêu cầu dẫn độ. Trong các trường hợp phức tạp hơn (chẳng hạn, hành vi phạm tội là những tội phạm thông thường nhưng xuất phát từ động cơ chính trị), thì khuynh hướng phổ

biến hiện nay là phải hiểu tội phạm chính trị theo nghĩa hẹp. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, người ta thừa nhận rằng, việc dẫn độ sẽ bị từ chối khi nước yêu cầu muốn dẫn độ một người đã thực hiện tội phạm thông thường theo pháp luật hình sự nhưng với lý do chính trị. Để tránh lạm dụng cách hiểu này, Công ước Châu Âu về dẫn độ đã quy định rằng, việc dẫn độ có thể bị từ chối nếu nước được yêu cầu có lý do thực tế để tin rằng yêu cầu dẫn độ đối với người thực hiện hành vi phạm tội thông thường nhằm mục đích truy tố hay trừng phạt người đó vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, quan điểm chính trị hoặc vì vị thế của anh ta mà gán ghép cho một trong những lý do trên. Như vậy, động cơ chính trị theo quan điểm của nước được yêu cầu tạo nên một vật cản tuyệt đối trong việc dẫn độ. Do chưa có một khái niệm chính xác về các tội phạm chính trị, nên trong các công ước quốc tế người ta đã dùng biện pháp liệt kê những tội phạm không thể bị coi là tội phạm chính trị.

Ngày nay, có những tội phạm được gây nên bởi những cá nhân hoặc tổ chức chính trị nhằm mục đích chính trị nhưng được thực hiện dưới hình thức khủng bố, tàn sát, giết hại tàn khốc người dân vô tội nhằm lật đổ Chính phủ. Rất nhiều nước đang cố gắng để bảo vệ hoà bình và an ninh nhân loại đã không chấp nhận việc coi các hành vi khủng bố là tội phạm chính trị và đã chấp nhận dẫn độ người thực hiện hành vi này. Do tính chất tàn khốc của hành vi khủng bố, nên hành vi này không cần xét đến nguyên nhân khi trừng phạt tội phạm và người phạm tội phải bị dẫn độ. Điều 9, Công ước quốc tế về trấn áp hành vi chống khủng bố bằng bom năm 1997 đã quy định rằng, các tội phạm được quy định tại Điều 2² phải được coi là các tội phạm có thể bị

dẫn độ trong bất kỳ điều ước nào về dẫn độ đang có hiệu lực giữa các quốc gia thành viên trước khi Công ước này có hiệu lực. Các quốc gia thành viên phải cam kết quy định các tội khủng bố là tội phạm có thể bị dẫn độ trong bất kỳ điều ước quốc tế nào về dẫn độ sẽ được ký kết giữa các quốc gia thành viên. Để bảo đảm việc dẫn độ phải được thực hiện tuyệt đối trong mọi trường hợp, dù giữa các quốc gia thành viên đã có điều ước về dẫn độ hay chưa, Công ước còn quy định rằng, quốc gia thành viên không đòi hỏi việc dẫn độ phải trên cơ sở một điều ước hiện hành phải coi các tội phạm quy định tại Điều 2 là những tội phạm có thể bị dẫn độ theo các điều kiện được quy định trong pháp luật của quốc gia được yêu cầu. Ngoài tội phạm chính trị, luật pháp và thông lệ quốc tế còn coi những người thực hiện tội phạm quân sự cũng không thể bị dẫn độ.

4. Pháp luật quốc tế đã hình thành qui chế dẫn độ khá đầy đủ làm khuôn mẫu, tiêu chí, định hướng để các quốc gia ký kết các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về dẫn độ. Trên cơ sở những điều ước quốc tế về dẫn độ đã tham gia³, Việt Nam đã có nhiều văn bản pháp luật qui định về nguyên tắc, điều kiện, thủ tục, thủ tục làm cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện dẫn độ. Trong số các văn bản đã được ban hành, đáng chú ý là Luật tương trợ tư pháp, năm 2007 và Phần thứ tám, Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003: Những qui định chung về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đã qui định khá đầy đủ những nội dung

² Điều 2 quy định: “1. Người nào ném, đặt, làm nổ hoặc kích nổ một cách bất hợp pháp và cố ý chất nổ hoặc chất gây chết người khác tại, vào, hoặc đối với nơi công cộng,

trang thiết bị của Nhà nước hoặc của Chính phủ, hệ thống vận tải công cộng hoặc cơ sở hạ tầng, thì bị coi là phạm tội theo Công ước này, nếu: a) nhằm mục đích giết hoặc gây thương tích cho người khác; hoặc b) nhằm mục đích phá hoại địa điểm, trang thiết bị hoặc hệ thống đó trên quy mô lớn, dẫn đến hoặc chắc chắn dẫn đến tổn thất lớn về kinh tế...”

³ Các hiệp định về tương trợ tư pháp của VN với các nước (số lượng), các công ước quốc tế về chống và phòng ngừa tội phạm mà VN tham gia (một vài công ước tiêu biểu).

của dẫn độ nói riêng và hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật và thực tiễn về tương trợ tư pháp hình sự ở nước ta còn tồn tại những vướng mắc, bất cập như:

Thứ nhất, phạm vi tương trợ được cam kết trong các hiệp định khá rộng nhưng lại thiếu các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện. Trong các hiệp định này đề cập đến nhiều vấn đề, như: lấy lời khai, thu thập, cung cấp chứng cứ; xác minh địa chỉ, nhận dạng người làm chứng, người bị tình nghi phạm tội; bố trí cho người có liên quan làm chứng tại lãnh thổ của nước yêu cầu hoặc cho phép người đang bị giam giữ cung cấp chứng cứ; tổng đạt giấy tờ, tài liệu; khám xét, thu giữ tài liệu, đồ vật; truy tìm, phong toả, tịch thu tài sản; chuyển giao việc truy cứu trách nhiệm hình sự v.v... nhưng các qui định trong nước còn thiếu hoặc còn quá chung chung dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện.

Thứ hai, gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền thực hiện uỷ thác tư pháp hình sự. Trường hợp bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử tại Việt Nam thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy từng trường hợp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử (Điều 171 BLTTHS 2003). Tuy nhiên, các quy định này chưa lường đến trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài uỷ thác cho cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự từ giai đoạn điều tra hoặc giai đoạn truy tố. Thực tiễn thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự thời gian qua đã nghi nhận nhiều trường hợp

uỷ thác tư pháp từ các giai đoạn này song do chưa có quy định của pháp luật nên sau khi tiếp nhận hồ sơ uỷ thác tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan tư pháp trung ương gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền thụ lý và tiếp tục giải quyết vụ án.

Thứ ba, khó khăn trong việc sử dụng chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng của nước ngoài cung cấp. Nhiều công trình nghiên cứu đã rút ra nhận xét rằng “*Sự khác biệt cơ bản giữa các truyền thống pháp luật là các vấn đề trong thủ tục tố tụng*” [7, tr 58], trong đó đặc biệt là các vấn đề liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu thập, đánh giá chứng cứ. Quá trình tiếp nhận các uỷ thác của nước ngoài về tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự thời gian qua cho thấy, trong hồ sơ uỷ thác tư pháp có nhiều chứng cứ, tài liệu được cung cấp song đối chiếu với pháp luật Việt Nam thì trong nhiều trường hợp các chứng cứ đó không thoả mãn yêu cầu về chứng cứ cả ở khía cạnh trình tự, thủ tục thực hiện, thậm chí cả thẩm quyền thu thập. Việc thiếu các quy định cụ thể liên quan đến việc sử dụng chứng cứ trong pháp luật hiện hành đã gây những khó khăn không nhỏ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện nhanh chóng, đầy đủ các uỷ thác của nước ngoài.

Thứ tư, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn gặp nhiều vướng mắc, bất cập. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về dẫn độ tội phạm mới chỉ đề cập đến khả năng áp dụng các biện pháp ngăn chặn khi cần thiết để bảo đảm cho việc dẫn độ chứ chưa qui định thẩm quyền, trình tự, thủ tục dẫn độ cụ thể do pháp luật từng nước thành viên quy định. Thực tiễn hoạt động dẫn độ tội phạm ở nước ta thời gian qua cũng đặt ra nhu cầu khá lớn đối với việc áp dụng biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc dẫn độ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là khi nhận được yêu cầu dẫn độ của nước ngoài thì áp dụng căn cứ nào để ra quyết định

bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác, thời hạn áp dụng biện pháp này là bao lâu đều chưa được quy định trong bất kỳ văn bản pháp luật nào và đang là vấn đề mà các cơ quan tiến hành tố tụng gặp nhiều lúng túng.

Thứ năm, thiếu các quy định về thời hạn đối với các vụ án phải yêu cầu nước ngoài tương trợ. Việc quy định thời hạn tố tụng trong pháp luật Việt Nam dựa vào các loại tội phạm được phân chia trong luật hình sự mà không có các quy định ngoại lệ đối với các vụ án phải yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp đã dẫn đến những khó khăn không nhỏ trong việc giải quyết vụ án này, dẫn đến tình trạng vi phạm thời hạn tố tụng tương đối phổ biến đối với loại án này trong thời gian qua.

Vì vậy, cần hoàn thiện pháp luật trong nước theo hướng:

- Bổ sung đầy đủ các trình tự, thủ tục tố tụng tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Những thủ tục này cần được hoàn thiện khi xây dựng BLTHS sửa đổi.

- Quy định rõ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các uỷ thác tư pháp trong trường hợp tiếp nhận các uỷ thác tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự từ giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố. Quy định thẩm quyền tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo hướng, nêu ở giai đoạn điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ cho Bộ Công an để trực tiếp điều tra hoặc để chuyển cho cơ quan điều tra nơi bị can đang cư trú tiến hành điều tra. Nếu ở giai đoạn truy tố thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp tiến hành truy tố bị can hoặc chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi bị can đang cư trú tiến hành truy tố bị can. Đồng thời, đề nghị bổ sung các quy định để xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm phối hợp giữa Cơ quan điều

tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện các uỷ thác tư pháp.

- Bổ sung thời hạn giải quyết các vụ án có yêu cầu nước ngoài tương trợ. Đổi mới căn bản thời hạn tố tụng theo hướng kết hợp một cách hợp lý giữa các tiêu chí về phân loại tội phạm, tính chất mức độ phức tạp của vụ án, năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tư pháp, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật trang bị cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Bổ sung các quy định về công nhận chứng cứ. Cần quy định việc công nhận là chứng cứ của vụ án trong trường hợp các chứng cứ đó đã được thu thập đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của pháp luật nước yêu cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1] PGS. TS Nguyễn Trung Tín “Dẫn độ trong luật hình sự quốc tế”, trong sách: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật hình sự quốc tế, Nxb Chính trị quốc gia.
- [2] Christopher L. Blakesley “The Practice of Extradition from Antiquity to Modern France and the United States: A Brief History 4 B.C. Int'l & Comp. L. Rev. 39 (1981)” <http://lawdigitalcommons.bc.edu/iclr/vol4/iss1/3>.
- [3] GS. TSKH Lê Văn Cẩm “Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [4] Xem trang web <http://www.interpol.it/Pulic/IPC/LegalMaterials/FactSheets/FS11.asp>
- [5] Giáo trình công pháp quốc tế, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] TS. Nguyễn Tiến Vinh, Nguyên tác “cùng hình sự hóa” trong bối cảnh thực thi công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11 (294), năm 2012.
- [7] Tòa án nhân dân tối cao, về pháp luật tố tụng dân sự, Ký yếu dự án VIE/95/017: Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.

Extradition and Directions to Improve Criminal Procedural Law in Vietnam

Nguyễn Ngọc Chí^{*.1}, Nguyễn Thị Ly

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Extradition is a legal practice of International law that appears quite early when the countries need to extradite offenders based on national laws of each country to implement the political purpose or defend safety, law and society hierarchy. Today, because of the trend of international integration, the demand for extradition is even higher. This article focuses on clarifying the extradition in international law, thereby giving the direction to improve the law on extradition to amend the Criminal Procedure Code.

Keywords: Extradition, improve the law on extradition.